TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-ST
Ngày 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2020/TLST–DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Ngọc D212, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Á, xã N, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã N, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc D212 trình bày:

Bà D212 có tham gia hụi do ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 25/02/2014 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 52 chưng, hụi 01 tháng khui 01 lần, khui vào ngày 25 hàng tháng, bà tham gia 01 chưng, tham gia khui được 38 kỳ, đến ngày 25/6/2017 ông S và bà T đình hụi. Số tiền mỗi lần bà thực đóng khoảng 800.000 đồng, bà đóng được 38 kỳ x 800.000 đồng = 30.400.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 25/12/2014 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 45 chưng, hụi 01 tháng khui 01 lần, khui vào ngày 25 hàng tháng, bà tham gia 01 chưng, tham gia khui được 30 kỳ, đến ngày 25/6/2017 ông S và bà T đình hụi. Số tiền mỗi lần bà thực đóng khoảng 1.600.000 đồng, bà đóng được 30 kỳ x

1.600.000 đồng = 48.000.000 đồng.

Sau khi đình hụi bà có đến đòi nhiều lần nhưng bà T và ông S không trả. Đến cuối tháng 6/2017 bà T có đến nhà bà thừa nhận có nợ bà số tiền hụi 96.200.000 đồng gồm cả tiền lời của các chưng hụi và hai bên đối trừ lại số tiền hụi chết bà chưa đóng là 19.000.000 đồng, bà T và ông S còn nợ bà 77.200.000 đồng. Từ khi đối trừ hụi chết bà T và ông S có trả cho bà nhiều lần đến tháng 9/2017 bà T và ông S trả cho bà được số tiền 26.000.000 đồng. Sau đó bà T và ông Sáng hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ.

Nay, bà yêu cầu ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T trả cho bà tổng số tiền hụi bà thực đóng và lãi theo quy định pháp luật số tiền 46.000.000 đồng. (bốn mươi sáu triệu đồng).

Đối với bị đơn ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông S và bà T theo quy định của pháp luật nhưng ông S và bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D212.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc bà Trần Ngọc D212 khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T trả cho bà tổng số tiền hụi còn nợ và lãi. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vu án: Bà D212 xác định vào các ngày 25/5/2014 âl và ngày 25/12/2014 âl, bà có tham gia 02 chưng hụi, loại hụi 1.000.000 đồng và 2.000.000 do ông S và bà T làm chủ. Đến ngày 25/6/2017 ông Sáng và bà T đình hụi và không trả tiền cho bà. Nay, bà yêu cầu ông Sáng và bà T trả cho bà tổng số tiền hụi bà thực đóng và lãi theo quy định pháp luật số tiền 46.000.000 đồng. (bốn mươi sáu triệu đồng).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D212 thấy rằng, vào các ngày 25/5/2014 và ngày 25/12/2014, bà có tham gia 02 dây hụi do ông S và bà T làm chủ.

Dây thứ nhất: Mở ngày 25/02/2014 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, số tiền mỗi lần bà thực đóng khoảng 800.000 đồng, bà đóng được 38 kỳ x 800.000 đồng = 30.400.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 25/12/2014 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, số tiền mỗi lần bà thực đóng khoảng 1.600.000 đồng, bà đóng được 30 kỳ x 1.600.000 đồng = 48.000.000 đồng.

Căn cứ vào xác nhận ngày 27/8/2020 của ông Trịnh Văn U, ông Trịnh Văn V , bà Bùi Ngọc N , bà Mai Viết Ngọc T cùng địa chỉ ấp Tân Hiệp, xã Tân Tiến,

huyện Đầm Dơi và ông Đỗ Hồng P , bà Trần Mỹ Á cùng địa chỉ ấp Ánh Dân, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi là những hụi viên tham gia chơi hụi do ông S và bà T làm chủ xác định, bà Trần Ngọc D212 có tham gia 02 chưng hụi của 02 dây hụi 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng do vợ chồng ông S và bà T làm chủ. Đến ngày 25/6/2017 ông Sáng và bà T đình hụi, sau đó bà D212 và vợ chồng ông Sáng và bà T đối trừ tiền hụi chết, số tiền vợ chồng ông S và bà T còn thiếu bà D212 là 72.200.000 đồng, sau đó vợ chồng ông Sáng và bà T bỏ đi đến nay không thanh toán tiền cho các hụi viên. Cũng như, tại khoản 2 Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định "*...Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ...chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ* ". Viễn dẫn từ điều luật trên cho thấy, ông Sáng và bà T đã vi phạm nghĩa vụ giao hụi (họ).

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đượng sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..."*. Theo quy định trên, tư khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S và bà T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông S và bà T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà D212 nên ông S và bà T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Xét thấy, số tiền bà D212 yêu cầu không vượt lãi suất quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần N c D212. Buộc ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T trả cho bà D212 tổng số tiền hụi bà D212 thực đóng và lãi theo quy định pháp luật số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T và ông S phải chịu số tiền là 2.300.000 đồng. (46.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc D212.

Buộc ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T trả cho bà Trần Ngọc D212 số tiền hụi bà D212 thực đóng và lãi 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc D212 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D212 2.405.000 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0010948 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Trịnh Hoàng S và bà Dương Hồng T phải chịu 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà D212 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Sáng và bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam